

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

Bản án số: 127/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/9/2024

"tranh chấp về ly hôn, giải quyết
nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Năng

- Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Thê

Bà Trần Thị Kim Phương

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 125/2024/ TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, giải quyết nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 106/2024/QĐXX-ST ngày 05 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2028 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị [Thái Thị S](#); Sinh năm 1995; Địa chỉ: [Thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh](#); Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh [Nguyễn Văn T](#); Sinh năm 1994; Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: [Thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh](#). (Hiện đang lao động tại [CHLB Đ](#)); Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai chị [Thái Thị S](#) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh [Nguyễn Văn T](#) quen biết nhau khi làm công nhân tại tỉnh Bắc Ninh. Sau một thời gian tìm hiểu yêu thương nhau thì tự nguyện kết hôn ngày 26/4/2018, đăng ký kết hôn tại [UBND phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh](#). Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc tại nhà bố mẹ chồng ở [xã S, H, Hà Tĩnh](#). Năm 2019 anh [T](#) đi lao động tại Cộng hòa Liên bang [Đ](#), vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau. Đến năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về kinh tế, anh [T](#) không gửi tiền về nuôi con. Tháng 02/2022, chị đi lao động tại Campuchia, từ đó anh chị cắt đứt liên lạc. Tháng 11/2023 chị về Việt Nam cho đến nay, nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết cho chị ly hôn với anh [Nguyễn Văn T](#).

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là [Nguyễn Minh N](#), sinh ngày 14/11/2018. Chị có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh [T](#) phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị [S](#) trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh [Nguyễn Văn T](#) tại [Cộng hòa liên bang Đ](#) mà chỉ biết anh thường liên lạc về cho mẹ đẻ anh là bà [Phạm Thị T1](#), ở [thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh](#). Chị đề nghị Tòa án thu thập địa chỉ của anh [T](#) qua bà [T1](#). Chị [T](#) yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tiến hành thụ lý giải quyết vụ án mà không thực hiện thủ tục hòa giải tiền tố tụng cũng như hòa giải trong quá trình giải quyết, đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh [Nguyễn Văn T](#) hiện đang làm việc tại Cộng hòa liên bang [Đ](#). Tòa án đã tiến hành xác minh tại mẹ anh là bà [Phạm Thị T1](#), ở [thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh](#); gọi điện qua tài khoản mạng xã hội với anh [T](#) do gia đình cung cấp, có sự chứng kiến của gia đình, nội dung thể hiện: Anh và chị [Thái Thị S](#) kết hôn ngày 26/4/2018, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại [UBND phường Đ, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh](#). Sau khi kết hôn vợ chồng sống tình cảm hạnh phúc tại [xã S, H, Hà Tĩnh](#), sau đó hai vợ chồng ra Thái Nguyên làm việc, đến tháng 7/2019 anh sang nước [Đ](#) làm việc. Do sống xa nhau tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị [S](#) xin ly hôn anh đồng ý để giải thoát cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là [Nguyễn Minh N](#), sinh ngày 14/11/2018. Anh đồng ý với nguyện vọng của chị [T](#) về việc giao con chung cho chị [T](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh hiện đang lao động tự do tại nước ngoài không có địa chỉ cụ thể nên không cung cấp được cho Tòa án và hiện nay không thể về Việt Nam giải quyết vụ

án nên đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh. Các tài liệu liên quan đến vụ án đề nghị Tòa án gửi về cho mẹ anh là bà [Phạm Thị T1](#) nhận thay.

Bà [Phạm Thị T1](#) đồng ý nhận ủy quyền của anh [T](#) về việc giao nhận các tài liệu chứng cứ, cam kết nhận trách nhiệm thông báo cho anh [T](#).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, các đương sự; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, 57, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 469, Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; **Xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị [Thái Thị S](#) và anh [Nguyễn Văn T](#).

- Về con chung: Giao con chung [Nguyễn Minh N](#), sinh ngày 14/11/2018 cho chị [Thái Thị S](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Anh [Nguyễn Văn T](#) không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị [Thái Thị S](#) tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị [Thái Thị S](#) (Nơi ĐKKHKT: [Thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh](#)) khởi kiện xin ly hôn anh [Nguyễn Văn T](#) (Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: [Thôn A, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh](#)), anh [T](#) đang sống và làm việc tại Cộng hòa liên bang [Đ](#). Theo công văn số 627/PA08-Đ1 ngày 02/7/2024 của [Phòng Q](#) thì anh [T](#) đã xuất cảnh ngày 23/7/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về

nước. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh [Nguyễn Văn T](#) thường xuyên liên lạc với gia đình nhưng cố tình không cung cấp địa chỉ của anh hiện nay ở nước ngoài. Gia đình anh vẫn thường xuyên liên lạc với anh [T](#) nên đã nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho anh [T](#), quá trình làm việc với Tòa án anh [T](#) cũng trình bày không có địa chỉ cụ thể để cung cấp theo yêu cầu của Tòa án. Vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Do điều kiện công việc không về Việt Nam giải quyết vụ án được nên anh [Thương yêu C](#) được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết, xét xử và các tài liệu liên quan đến vụ án đề nghị Tòa án gửi về cho mẹ anh là bà [Phạm Thị T1](#) nhận. Chị [Thái Thị S](#) vì lý do ở xa và bận công việc nên không thể đến tham gia phiên tòa và có đơn xin được xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt anh [T](#), chị [S](#) theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị [Thái Thị S](#) và anh [Nguyễn Văn T](#) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị [S](#) và anh [T](#) là hợp pháp. Theo lời khai của các đương sự, vợ chồng có mâu thuẫn từ khi anh [T](#) đi lao động tại nước Đức, hai bên xác định tình cảm không còn, chị [S](#) xin ly hôn, anh [T](#) đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị [S](#) và anh [T](#) không thực hiện quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, mâu thuẫn căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, hai bên có yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị [Thái Thị S](#) và anh [Nguyễn Văn T](#).

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là [Nguyễn Minh N](#), sinh ngày 14/11/2018, chị [S](#) và anh [T](#) thống nhất giao con chung cho chị [S](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh [T](#) không phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy Hội đồng xét xử giao con chung [Nguyễn Minh N](#) cho chị [S](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, anh [T](#) không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Anh [T](#) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị [Thái Thị S](#) tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, 57, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 469, Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị [Thái Thị S](#) và anh [Nguyễn Văn T](#).

2. Về con chung: Giao con chung [Nguyễn Minh N](#), sinh ngày 14/11/2018 cho chị [Thái Thị S](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Anh [Nguyễn Văn T](#) không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị [Thái Thị S](#) tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0000913 ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh. Trả lại cho chị [Thái Thị S](#) 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 1 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS huyện Đức Thọ;
- Các đương sự;
- UBND phường Đậu Liêu
- Thị xã Hồng Lĩnh, Hà Tĩnh (Nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Năng